

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng ven biển huyện Hoằng Hóa và quy hoạch chung xây dựng đô thị Hải Tiến, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị và các quy định của pháp luật có liên quan;

Căn cứ Kết luận cuộc họp UBND tỉnh thường kỳ tháng 4 năm 2015 về quy hoạch xây dựng vùng ven biển huyện Hoằng Hóa và quy hoạch chung xây dựng đô thị Hải Tiến, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (Thông báo số 57/TB-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Đình Xứng);

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1983/SXD-QH ngày 27 tháng 4 năm 2015 về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng ven biển huyện Hoằng Hóa và quy hoạch chung xây dựng đô thị Hải Tiến, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (kèm theo ý kiến thống nhất của UBND huyện Hoằng Hóa tại Công văn số 485/UBND-CTh ngày 17 tháng 4 năm 2015),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng ven biển huyện Hoằng Hóa và quy hoạch chung xây dựng đô thị Hải Tiến, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (tỷ lệ 1/2000), với nội dung chính sau:

A. Định hướng quy hoạch vùng ven biển huyện Hoằng Hóa

1. Phạm vi nghiên cứu:

Khu vực nghiên cứu quy hoạch vùng ven biển huyện Hoằng Hóa khoảng 29,64 Km² (2.964,07 ha, trong đó: xã Hoằng Trường 596,57 ha; xã Hoằng Hải 362,67 ha; xã Hoằng Tiến 435,40 ha; xã Hoằng Thanh 399,83 ha; xã Hoằng Phụ 899,60 ha). Vị trí phạm vi, ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Bắc: Giáp cửa Lạch Trường;
- Phía Nam: Giáp cửa Lạch Hói;
- Phía Đông: Giáp Biển Đông;
- Phía Tây: Giáp xã Hoằng Yên, Hoằng Ngọc, Hoằng Đông, Hoằng Phong, Hoằng Châu.

2. Quy mô dân số, đất đai

- Dân số hiện trạng khoảng: 40.475 người (theo niên giám thống kê huyện Hoằng Hóa năm 2014);
- Dự báo quy mô dân số đến năm 2025 khoảng 49.200 người.
- Tổng diện tích nghiên cứu quy hoạch vùng khoảng 2.694,07 ha:

3. Hướng phát triển không gian vùng

- Các trục không gian phát triển:
 - + Mở rộng không gian đô thị với thị trấn Bút Sơn. Định hướng tính lộ 510 là trục chính trung tâm đô thị kết nối với thị trấn Bút Sơn.
 - + Mở rộng hướng kết nối với hành lang kinh tế Bắc Nam bằng tuyến đường bộ ven biển là trục giao thông Trường Phụ, hình thành tam giác phát triển Bút Sơn - Sầm Sơn - thành phố Thanh Hóa.
- Các không gian chức năng:
 - + Khu vực 1: Khu vực giáp với biển Đông, khai thác thế mạnh của biển, tổ chức các không gian bãi tắm ven biển
 - + Khu vực 2: Khu vực núi Linh Trường và các không gian rừng phòng hộ, tập trung tổ chức các không gian chức năng du lịch nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái và du lịch thể thao.

+ Khu vực 3: Khu vực sản xuất nông nghiệp thủy sản Hoàng Phụ, tập trung tổ chức các không gian chức năng du lịch nghỉ dưỡng, du lịch làng nghề, du lịch khám phá.

+ Khu vực 4: Tổ chức các không gian đệm, chủ yếu là các không gian xanh sản xuất nông nghiệp của 5 xã trong phạm vi nghiên cứu. Đề xuất các giải pháp giống năng suất cao, bảo vệ quỹ đất, bảo vệ môi trường sinh thái trong khu vực.

+ Khu vực 5: Bố trí các không gian ở hiện trạng và các không gian ở mới. (Hướng phát triển chủ bám theo các trục đường chính như Tỉnh lộ 510, các trục đường hướng biển trên địa bàn của các xã, trục đường Trường Phụ; Các không gian ở cũ thuộc địa bàn của 5 xã trong khu vực nghiên cứu).

4. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật vùng:

Hình thành và phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung hoàn chỉnh, làm cơ sở để phát triển đô thị và các khu chức năng trong toàn khu vực.

a) Giao thông:

- Phía Tây hướng đi theo Quốc lộ 510: Là tuyến đường trọng yếu kết nối thị trấn Bút Sơn, thành phố Thanh Hóa qua quốc lộ 1A, đường có lộ giới: 32m (mặt đường 2x7,5m, lề đường 2x6m, phân cách 5m);

- Đường Hoàng Thanh, đường bộ ven biển: Kết nối thị xã Sầm Sơn ở phía Nam vùng biển Hải Tiến, theo quốc lộ 10 định hướng quy hoạch thị xã Sầm Sơn, đường có lộ giới: 32m (mặt đường 2x7,5m, lề đường 2x6m, phân cách 5m);

- Đường Hoàng Hải: Kết nối khu vực phía Bắc với vùng biển Hải Tiến, đường có lộ giới: 32m (mặt đường 2x7,5m, lề đường 2x6m, phân cách 5m);

- Đường giao thông liên khu theo hướng Bắc Nam là trục trung tâm đô thị: Kết nối các khu vực chức năng của khu đô thị với nhau, liên kết toàn bộ khu vực phía Bắc và phía Nam của vùng biển Hải Tiến, tuyến đường dọc theo bờ biển Hải Tiến, lộ giới: 23,0m (mặt đường 2x 7,5m, lề đường 2x4,0m);

- Đường giao thông khu vực: Kết nối các khu chức năng với mạng đường liên khu vực, đường chính của khu đô thị, lộ giới: 16,5m (mặt đường 10,5m, lề đường 2x3,0m).

- Bến xe đối ngoại: Xây dựng bến xe đối ngoại cho cả vùng biển Hải Tiến nằm phía Tây khu vực nghiên cứu bám theo tỉnh lộ 510, với quy mô diện tích 6,5ha.

b) Cấp nước:

- Nguồn nước: Lấy từ nguồn nước Sông Mã. Nước thô theo kênh Hoàng Vinh được dẫn về hồ chứa 25.000m³ tại Đòng Thôn 1 xã Hoàng Vinh, sau đó được bơm về trạm xử lý để cấp cho đô thị;

- Nhu cầu sử dụng nước: 9.280 m³/ngđ.

- Vị trí trạm xử lý nước được đặt tại thôn Kim Tâm xã Hoằng Tiến, quy mô khoảng 1,2 ha;

- Các tuyến ống trên mạng phân phối được bố trí trên vỉa hè dọc theo tuyến đường có đường kính D350 – D500. Tại các nút trên mạng bố trí van khóa để điều chỉnh nước thuận tiện cho sửa chữa và đấu nối.

c) Thoát nước mưa:

Bám sát tính chất lưu vực tự nhiên hiện có và quy hoạch san nền cũng như căn cứ vào quá trình phát triển của vùng biển Hải Tiến; theo đó hướng thoát nước chính của khu vực được chia làm ba lưu vực:

- Phía Bắc của đô thị hướng thoát nước về phía Sông Lạch Trường, diện tích lưu vực khoảng 362,17ha;

- Phía Tây và Đông của Đô thị hướng thoát nước về phía kênh Trường Phụ, diện tích lưu vực khoảng 1.621,24ha;

- Phía Nam của Đô thị hướng thoát nước về phía sông Cung và sông Mã, diện tích lưu vực khoảng 710,69ha.

Xây dựng hệ thống cống tròn BTCT (Kích thước từ D800÷D1200) đấu nối với hệ thống sông ngòi, kênh mương để tiêu nước cho khu vực qua các cửa xả.

d) Thoát nước thải:

- Quy hoạch xây dựng mạng lưới thu gom vận chuyển nước bẩn riêng rẽ với mạng lưới thoát nước mưa;

- Toàn bộ nước thải của đô thị được thu gom về các tuyến cống chính và kết hợp với bơm tăng áp rồi được dẫn về 2 trạm xử lý với công suất dự kiến là $Q = 7.530,00\text{m}^3/\text{ngđ}$.

+ Trạm xử lý 1: Nằm ở phía Tây Bắc công suất dự kiến $Q=4.000\text{m}^3/\text{ngđ}$. Nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn cho phép được xả ra phía kênh Trường Phụ và từ kênh đổ về phía cuối lưu vực Sông Cung nằm ở phía Nam đô thị;

+ Trạm xử lý 2: Nằm ở phía Tây Nam công suất dự kiến $Q=3.200\text{m}^3/\text{ngđ}$. Nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn cho phép được xả về phía cuối lưu vực Sông Cung nằm ở phía Nam đô thị.

e) Cấp điện:

- Nguồn điện: Lấy từ trạm biến áp trung gian Hoàng Ngọc và từ đường dây trung áp 22KV từ trạm biến áp trung gian Hoằng Hóa.

- Nhu cầu sử dụng điện: 42.543,87 KW.

- Tổng số trạm biến áp: Dự kiến 14 trạm xây mới và 9 trạm nâng cấp từ trạm hiện có.

f) Quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

- Rác thải của Đô thị dự kiến được vận chuyển và xử lý tại bãi chôn lấp rác thải ở phía Nam xã Hoằng Trường quy mô khoảng 3ha;

- Khu nghĩa trang nhân dân mới nằm ở phía Tây Bắc thuộc xã Hoằng Hải với quy mô khoảng 22,32ha; Các nghĩa địa đã có: Di dời các nghĩa địa, khu mộ hiện có nằm rải rác trong các khu dân cư, các khu vườn, các cánh đồng về nghĩa trang nhân dân mới của đô thị.

B. Định hướng quy hoạch chung xây dựng đô thị Hải Tiến.

1. Phạm vi ranh giới lập quy hoạch:

Tổng diện tích đất nghiên cứu quy hoạch chung xây dựng đô thị Hải Tiến huyện Hoằng Hóa khoảng 590 ha (Trong đó: một phần xã Hoằng Trường 137,11 ha; xã Hoằng Hải 100,60 ha; xã Hoằng Hải 126,12 ha; xã Hoằng Thanh 226,17 ha). Vị trí phạm vi, ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Đông: Giáp biển Đông;

- Phía Tây: Giáp đất lúa xã Hoằng Trường, Hoằng Tiến, nghĩa trang xã Hoằng Hải, diêm dân cư 1, 2, 3 xã Hoằng Thanh;

- Phía Bắc: Giáp thôn 5 xã Hoằng Trường;

- Phía Nam: Giáp xã Hoằng Phụ.

2. Tính chất, chức năng đô thị:

Đô thị Hải Tiến là lõi của vùng ven biển huyện Hoằng Hóa, là đô thị loại V, trung tâm dịch vụ du lịch, thương mại, tiểu thủ công nghiệp, trọng điểm phát triển kinh tế, văn hóa phía Đông của huyện Hoằng Hóa.

3. Quy mô dân số và đất đai đô thị theo các giai đoạn:

a) Quy mô dân số đô thị:

- Dân số hiện trạng khoảng: 10.350 người (theo niên giám thống kê huyện Hoằng Hóa năm 2014);

- Dự báo quy mô dân số đến năm 2020 khoảng 10.760 người;

- Dự báo quy mô dân số đến năm 2025 khoảng 14.000 người.

b) Quy mô đất đai theo các giai đoạn đến năm 2025:

- Đất dân dụng: 322,10 ha;

- Đất ngoài dân dụng: 267,90 ha.

4. Hướng phát triển đô thị.

Hệ khung không gian đô thị Hải Tiến: Trên cơ sở các tuyến giao thông đối ngoại gồm tuyến tỉnh lộ 510 và các tuyến giao thông liên xã:

- Khu trung tâm hành chính mới được nghiên cứu và lựa chọn vị trí trung tâm của đô thị, gần với các hạng mục cơ sở hạ tầng xã hội hiệu hữu;

- Các khu nhà ở mới, được hình thành và lựa chọn các khu vực hợp lý, gắn kết với không gian trung tâm chính và không gian công cộng cấp tiểu khu, liên kết liên khu tốt bởi hệ thống giao thông liên khu, giao thông vành đai và trục chính đô thị;

- Khu vực dân cư cũ trong ranh giới nghiên cứu quy hoạch đô thị được nghiên cứu cải tạo chỉnh trang từng phần về cơ sở hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, kết nối tốt nhất giữa các khu vực cũ và khu vực chức năng đô thị mới hình thành;

- Điểm dịch vụ vận tải được nghiên cứu bố trí tại vị trí tiếp giáp với quốc lộ 510 ở khu vực phía Tây của đô thị, đóng vai trò đầu mối cửa ngõ phía Tây của đô thị Hải Tiến, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động vận tải và hoạt động du lịch nghỉ dưỡng của khu vực;

- Khu vực tập kết tàu thuyền nghề cá và bãi tắm công cộng: Bố trí tại 03 vị trí, gồm: cuối đường cầu Cách đi biển, cuối đường tỉnh lộ 510 đi biển và tại phía Đông Nam khu đất của doanh nghiệp IVENCO; mỗi vị trí có chiều dài dọc bờ biển là 200m.

- Đối với khu vực phía Đông đường Trường Phụ ngoài các khu dân cư cải tạo phục vụ dịch vụ du lịch, phải ưu tiên dành tối đa các quỹ đất thuận lợi xây dựng để thu hút các dự án đầu tư xây dựng các khu du lịch, dịch vụ, trung tâm mua sắm, khu vui chơi giải trí và các không gian công cộng phục vụ du lịch

- Khu vực hạ tầng kỹ thuật đầu mối đô thị được nghiên cứu vị trí và quy mô phù hợp, dựa trên các bước nghiên cứu khảo sát tình hình thực tế.

5. Định hướng tổ chức không gian đô thị, dự kiến ranh giới hành chính đô thị.

5.1. Định hướng tổ chức không gian đô thị:

- Hệ khung không gian đô thị Hải Tiên, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa dựa trên các tuyến giao thông chính gồm:

- Trên cơ sở các tuyến giao thông chính mang tính chất đối ngoại gồm tuyến tỉnh lộ 510 và một số tuyến giao thông liên xã kết nối với xã Hoằng Ngọc, xã Hoằng Thắng, Hoằng Lưu theo hướng Tây, xã Hoằng Trường theo hướng Đông Bắc, xã Hoằng Phụ theo hướng Nam;

- Khu trung tâm hành chính mới được nghiên cứu và lựa chọn vị trí trung tâm của đô thị, gần với các hạng mục cơ sở hạ tầng xã hội hiệu hữu;

- Các khu nhà ở mới, được hình thành và lựa chọn các khu vực hợp lý, gắn kết với không gian trung tâm chính và không gian công cộng cấp tiểu khu, liên kết liên khu tốt bởi hệ thống giao thông liên khu, giao thông vành đai và trục chính đô thị;

- Khu vực dân cư cũ trong ranh giới nghiên cứu quy hoạch đô thị được nghiên cứu cải tạo chỉnh trang từng phần về cơ sở hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, kết nối tốt nhất giữa các khu vực cũ và khu vực chức năng đô thị mới hình thành;

- Điểm dịch vụ vận tải được nghiên cứu bố trí tại vị trí tiếp giáp với quốc lộ 510 ở khu vực phía Tây của đô thị, đóng vai trò đầu mối cửa ngõ phía Tây của đô thị Hải Tiến, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động vận tải và hoạt động du lịch nghỉ dưỡng của khu vực;

- Khu vực hạ tầng kỹ thuật đầu mối đô thị được nghiên cứu vị trí và quy mô phù hợp, dựa trên các bước nghiên cứu khảo sát tình hình thực tế.

5.2. Dự kiến các khu vực đô thị trong tương lai:

Dự kiến trong tương lai khi thành lập đô thị Hải Tiến dự kiến khu vực đất ngoài dân dụng có diện tích khoảng 400ha, có phạm vi ranh giới: Phía Đông: Giáp đường Trường Phụ; Phía Tây: Giáp đất lúa xã Hoàng Trường, Hoàng Tiến, nghĩa trang xã Hoàng Hải, điểm dân cư 1, 2, 3 xã Hoàng Thanh; Phía Bắc: Giáp thôn 5 xã Hoàng Trường; Phía Nam: Giáp xã Hoàng Phụ.

Khu vực đất dân dụng có diện tích khoảng 190 ha, có phạm vi ranh giới: Phía Đông: Giáp biển Đông; Phía Tây: Giáp đường Trường Phụ; Phía Bắc: Giáp thôn 5 xã Hoàng Trường; Phía Nam: Giáp xã Hoàng Phụ.

6. Cơ cấu sử dụng đất theo các chức năng.

Bảng cơ cấu sử dụng đất

Stt	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
I	Đất dân dụng	322,10	54,59
1	Đất công cộng	20,84	3,53
2	Đất ở mới	49,87	8,45
3	Đất công viên cây xanh	136,02	23,05
4	Đất giao thông nội thị	15,46	2,62
5	Đất dự trữ phát triển	26,81	4,55
6	Đất ở cải tạo chỉnh trang	73,10	12,39
II	Đất ngoài dân dụng	267,90	45,41
1	Đất thương mại dịch vụ	79,83	13,53
2	Đất du lịch dịch vụ	21,84	3,70
3	Đất công trình đầu mối	1,52	0,26
4	Đất khác (đất di tích, cây xanh, mặt nước, rừng phòng hộ...)	103,01	17,46
5	Đất giao thông đối ngoại	61,69	10,46
	Tổng	590,0	100,0

7. Các khu chức năng chính đô thị:

a) Khu vực hành chính (cấp đô thị):

- Ký hiệu: (CC.01 ÷ CC.02);
- Tổng diện tích: 5,00 ha;
- Mật độ xây dựng từ: 30 ÷ 40%; Tầng cao từ 3 ÷ 5 tầng;

b) Công trình công cộng cấp tiểu khu:

- Ký hiệu: (CC.03 ÷ CC.13);
- Tổng diện tích: 15,89 ha;
- Mật độ xây dựng từ: 30 ÷ 40%; Tầng cao từ 1 ÷ 5 tầng.

*** Trung tâm thương mại-dịch vụ, chợ dân sinh:**

- Ký hiệu: (DVTM12, DVTM13, DVTM18, DVTM19, DVTM20).
- Tổng diện tích: 34,57 ha;
- Ký hiệu: (CC.05) quy mô khoảng 0,62 ha; (CC.12) quy mô 0,7ha;
- Mật độ xây dựng từ: 30 ÷ 60%; Tầng cao từ 1 ÷ 3 tầng; 7 ÷ 9 tầng.

*** Trung tâm văn hóa, vui chơi giải trí, nhà văn hóa**

- Ký hiệu: (CC.03) diện tích khoảng 3,88 ha; (CC.09) diện tích khoảng 2,34 ha;

- Mật độ xây dựng từ: 30 ÷ 40%; Tầng cao từ 3 ÷ 5 tầng.

*** Trung tâm Y tế, trạm Y tế**

- Ký hiệu: (CC.06), quy mô 0,45ha; (CC.11) quy mô 0,37ha
- Mật độ xây dựng từ: 30 ÷ 40%; Tầng cao từ 1 ÷ 3 tầng;

c) Công trình nhà trẻ, trường tiểu học, trường THCS, trường THPT:

- Ký hiệu: (CC.04) có quy mô 2,88ha; (CC.08) có quy mô 0,18ha; (CC.10) có quy mô 0,65ha;

- Mật độ xây dựng từ: 30 ÷ 40%; Tầng cao từ 1 ÷ 5 tầng.

d) Khu nhà ở mới:

- Ký hiệu: (DOM.01 ÷ DOM.06); (DOM.10, DOM.11); (DOM14 ÷ DOM.27);

- Tổng diện tích: 43,07 ha;

- Mật độ xây dựng từ: 40 ÷ 60%; Tầng cao: 2 ÷ 5 tầng.

e) Khu nhà ở cải tạo chính trang:

- Ký hiệu: (DCCT01 ÷ 26); Tổng diện tích: 131,74 ha;

- Mật độ xây dựng từ: 40 ÷ 60%; Tầng cao: 1 ÷ 3 tầng.

f) Hệ thống không gian mở, cây xanh, thể thao:

- Ký hiệu: (CX01 ÷ 12); Tổng diện tích: 15,59 ha; Mật độ xây dựng từ: 5 ÷ 10 %; Tầng cao: 1 tầng.

- Tổ chức không gian cây xanh công viên, kết hợp không gian thể thao tại các lô từ (CX.01 ÷ CX.12);

i) Yêu cầu đối với đất tiểu thủ công nghiệp, làng nghề:

Khu vực nghiên cứu đô thị Hải Tiến tập trung phát triển hệ thống du lịch biển, vì vậy đất phát triển tiểu thủ công nghiệp, làng nghề đã được bố trí theo phạm vi nghiên cứu vùng ven biển huyện Hoằng Hóa.

k) Yêu cầu đối với điểm dịch vụ vận tải đầu mối:

- Ký hiệu: (P1 ÷ P2); Tổng diện tích: 1,45 ha; Mật độ xây dựng: 20%; Tầng cao: 1 tầng.

- Xây dựng điểm dịch vụ vận tải tại vị trí đầu mối giao thông của đô thị, ở khu vực phía Tây của đô thị, tiếp giáp với đường tỉnh lộ 510, có quy mô khoảng 1,2 ha.

8. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

8.1. Định hướng quy hoạch giao thông:

* Đường giao thông đối ngoại:

- Tuyến đường tỉnh lộ 510: Nằm phía Tây là một trong những tuyến đường chính kết nối chính của đô thị với khu vực;

- Mặt cắt 1*-1*: Có chức năng là đường chính đô thị kết nối đô thị với khu vực lân cận có lộ giới 40m (6,00+11,25+5,5+11,25+6,00).

- Mặt cắt 1-1: Từ thị trấn Bút Sơn đến nút giao đường Trường Phú, lộ giới 32m (6,0+7,5+5,0+7,5+6,0).

* Đường giao thông đối nội:

- Gồm các tuyến đường liên khu vực, tuyến đường chính khu vực, đường vào khu nhà ở cao tầng thấp tầng, biệt thự, các khu du lịch dịch vụ và các tuyến trục cảnh quan hướng ra biển;

- Đường giao thông liên khu vực: Kết nối các khu vực chức năng của đô thị với nhau, liên kết toàn bộ đô thị. Mặt cắt ngang (2-2): Lộ giới 28,0m (mặt đường 18,0m, lề đường 2x5m). Mặt cắt ngang (3-3): Lộ giới 23,0m (mặt đường 15,0m, lề đường 2x4m);

- Đường giao thông chính khu vực: Mặt cắt ngang (4-4): Kết nối các khu chức năng của đô thị với mạng đường liên khu vực, đường chính của đô thị, lộ giới 22,0m (mặt đường 15,0m, lề đường 2x3,5m);

- Đường giao thông khu vực: Kết nối giao thông trong các đơn vị ở, khu dân cư, khu công cộng với nhau và với các trục đường chính của khu vực. Mặt cắt ngang (5-5): Lộ giới: 16,50m (mặt đường 10,5m, lề đường 2x3,0m); mặt cắt ngang (6-6): Lộ giới 13,5m (mặt đường 7,5m, lề đường 2x3,0m).

8.2. Định hướng cấp nước:

- Nguồn nước: Lấy từ Sông Mã, theo kênh Hoàng Vinh dẫn về hồ chứa xã Hoàng Vinh. Trạm xử lý nước đặt tại thôn Kim Tân xã Hoàng Tiến có diện tích là 1,2 ha nằm ở phía Tây của đô thị.

- Tổng nhu cầu dùng nước là: 3.850 m³/ngđ.

- Để đảm bảo lưu lượng cấp nước cho toàn đô thị, thuận tiện cho việc lấy nước trên mạng, mạng lưới đường ống được thiết kế dạng mạch vòng khép kín;

- Mạng lưới đường ống được thiết kế có đường kính từ Ø110÷Ø500

8.3. Định hướng thoát nước mưa:

- Hệ thống thoát nước mưa của khu vực được dựa trên cơ sở định hướng thoát nước mưa quy hoạch xây dựng vùng ven biển huyện Hoằng Hóa và đô thị

Hải Tiến huyện Hoảng Hóa tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020 tầm nhìn năm 2030, bám sát tính chất lưu vực tự nhiên hiện có và quy hoạch san nền cũng như căn cứ vào quá trình phát triển của khu Đô thị.

- Theo đó hướng thoát nước chính của khu vực được chia làm hai lưu vực:
 - + Phía Bắc và Tây của khu vực hướng thoát nước về phía kênh Trường Phụ.
 - + Phía Đông Nam của khu vực hướng thoát nước về phía lưu vực sông Mã.
- Hệ thống thoát nước thu gom theo các trục đường với các đoạn cống lần lượt từ đầu đến cuối miệng xả phía là D600, D800, D1000, D1200.

8.4. Định hướng thoát nước thải:

- Quy hoạch xây dựng mạng lưới thu gom vận chuyển nước bẩn riêng rẽ với mạng lưới thoát nước mưa.

- Tận dụng điều kiện địa hình để hệ thống thoát nước thải là tự chảy, giảm khối lượng đầu tư trạm trung chuyển, đường kính cống chính, chiều sâu chôn cống đảm bảo về mặt thoát nước và đảm bảo về mặt kinh tế khi đầu tư hệ thống thoát nước thải.

- Độ dốc đặt cống: Tại những khu vực có địa hình bằng phẳng đặt cống với độ dốc tối thiểu $i=1/D$ (D là đường kính cống tính bằng mm). Còn tại những khu vực có độ dốc đường lớn đặt cống theo độ dốc đường.

- Độ sâu đặt cống điểm đầu nhỏ nhất là 0.6 m.

Thiết kế hệ thống thoát nước bản tuân thủ theo nội dung chính như sau:

- Hệ thống thoát nước là hệ thống thoát nước riêng biệt nước bẩn và nước mặt;
- Nước thải từ các khu nhà được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại sau đó theo hệ thống thoát nước thải về khu xử lý để làm sạch;
- Nước sau khi đã được xử lý đạt tiêu chuẩn mới tiếp tục cho thoát ra sông;
- Mạng lưới được xây dựng bằng bê tông cốt thép với các giếng thăm đồng bộ.
- Độ dốc chôn cống tối thiểu : $1/D$ (đường kính D tính bằng mm).

- Giếng thăm được bố trí tại các điểm thay đổi đường kính, chỗ ngoặt, và với khoảng cách trung bình $20 \div 40$ m.

Trên dọc tuyến thoát nước thải bố trí cách đều 20- 30m một hố ga với các ống chờ đầu nối cho các bể phốt của các công trình.

Trong các khu nhà từng gia đình đều phải có bể phốt để xử lý sơ bộ nước thải.

8.5. Định hướng cấp điện:

- Nguồn điện: Lấy từ trạm biến áp trung gian Hoằng Ngọc và từ đường dây trung áp 22KV từ trạm biến áp trung gian Hoằng Hóa theo định hướng Quy hoạch xây dựng vùng biển Hoằng Hóa.

Tổng công suất tính toán $P = 25.239,86$ KW.

* Lưới trung áp và trạm biến áp 22/0,4kV:

- Căn cứ nhu cầu điện tính toán, đô thị cần xây dựng các tuyến trung thế 22kV để cấp điện lâu dài và ổn định;

* Lưới điện hạ thế:

- Lưới hạ thế có cấp điện áp 380/220V chôn ngầm tại khu vực chính đô thị;

- Từ trạm biến thế đến tủ điện tổng của từng khu và đi vào từng công trình;

- Từ các trạm biến áp có các lộ hạ thế 0,4kV cấp điện chiếu sáng sinh hoạt và chiếu sáng đường phố.

* Hệ thống chiếu sáng đường phố: Được thiết kế theo tiêu chuẩn

8.6. Quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

- Rác thải của Khu vực được vận chuyển tại khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt của huyện Hoằng Hóa và vùng phụ cận có vị trí đặt tại xã Hoằng Trường có quy mô 3,0ha (Đã được dự kiến trong đồ án quy hoạch xây dựng vùng ven biển huyện Hoằng Hóa).

- Nghĩa địa: Khu vực được dùng nghĩa trang mới theo quy hoạch chung, vị trí xây dựng khu nghĩa địa mới tại xã Hoằng Hải có quy mô 22,32ha. Các nghĩa địa đã có: Di dời các nghĩa địa, khu mộ hiện có nằm bên ngoài nghĩa địa Quy hoạch về nghĩa trang nhân dân mới.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND huyện Hoằng Hóa:

- Phối hợp với Sở Xây dựng và các ngành liên quan tổ chức công bố rộng rãi nội dung quy hoạch xây dựng vùng ven biển huyện Hoằng Hóa và quy hoạch chung xây dựng đô thị Hải Tiến, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa để nhân dân biết, kiểm tra giám sát và thực hiện;

- Tiếp nhận, quản lý hồ sơ, tài liệu quy hoạch được giao và tổ chức thực hiện theo quy hoạch được duyệt theo quy định của pháp luật;

- Tổ chức nghiên cứu, lập các quy hoạch chi tiết, định vị tìm tuyến, lộ giới các trục giao thông chính trên thực địa;

- Lập chương trình, dự án ưu tiên đầu tư hàng năm và dài hạn, xác định các biện pháp thực hiện quy hoạch xây dựng và cải tạo đô thị trên cơ sở huy động mọi nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước, nguồn khai thác từ quỹ đất bằng các cơ chế chính sách theo quy định hiện hành của nhà nước;

2. Sở Xây dựng và các ngành chức năng liên quan: Chịu trách nhiệm hướng dẫn, quản lý thực hiện theo quy hoạch và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Hoằng Hóa; Viện trưởng Viện Quy hoạch - Kiến trúc Thanh Hóa và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 Quyết định;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, CN.
- H3.(2015)QDPD QHC Hai Tien

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Ngọc Hồi